

Số: 1286/QĐ- BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2113/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2011 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012; số 512/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2012 về việc giao dự toán ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 2879/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2011 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012; số 1222/QĐ-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2012 về việc về việc giao dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012;

Thông tư số 177/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ các Quyết định: số 118/QĐ-BTNMT ngày 03/2/2012; số 189/QĐ-BTNMT ngày 20/2/2012; số 524/QĐ-BTNMT ngày 19/4/2012; số 642/QĐ-BTNMT ngày 07/5/2012 và số 855/QĐ-BTNMT ngày 15/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2012 cho các đơn vị trực thuộc Bộ theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN Trung ương;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Các Thủ trưởng;
- Vụ Kế hoạch;
- Lưu VT, Vụ TC.T.100.



Nguyễn Minh Quang

www.LuatVietnam.vn

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2012

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
A	DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	Tr.đồng			-	
I	Thu phí, lệ phí	-	10.100	10.150	50	
1.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	-	1.000	1.000	-	
1.2	Phí, lệ phí thăm dò khoáng sản	-	9.000	9.000	-	
1.3	Phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản	-	100	150	50	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	-	-	38	38	
2.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	
2.2	Lệ phí thăm dò khoáng sản	-	-	-	-	
2.3	Phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản	-	-	38	38	Tính theo TT số 95/2012/TT-BTC ngày 08/6/2012 của Bộ Tài chính
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	10.100	10.112	12	
3.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	-	1.000	1.000	-	
3.2	Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản	-	9.000	9.000	-	
3.3	Phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản	-	100	112	12	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đồng	117.418	116.994	-424	
B.1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	-	-	-	-	
	Vốn chuẩn bị đầu tư	-	-	-	-	
	Vốn thực hiện dự án	-	-	-	-	
B.2	CHI SỰ NGHIỆP	-	117.418	116.994	-424	
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	Tr.đồng				
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ	Tr.đồng				
III	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	Tr.đồng	7.659	7.948	289	
I	Chi thường xuyên	-				
2	Chi không thường xuyên	-	7.659	7.948	289	
2.1	Nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước	-				
2.2	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	-	5.189	5.287	98	
-	Đề tài chuyên tiếp	-	3.989	4.087	98	

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
-	Đề tài mở mới	-	1.200	1.200	-	
2.3	Đề tài cấp cơ sở	-	1.170	1.111	-59	Phụ lục số 03; 03.1
-	Đề tài chuyển tiếp	-			-	
-	Đề tài mở mới	-	1.170	1.111	-59	
2.4	Hoạt động KHCN khác	-	1.300	1.550	250	
-	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	-	1.200	1.200	-	
-	Thông tin hội nghị, hội thảo khoa học	-	-	250	250	
	Quản lý hoạt động KHCN	-	100	100	-	
IV	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	Tr.đồng	85.339	85.339	-	
1	Vốn trong nước	-	85.339	85.339	-	
1.1	Chi thường xuyên giao thực hiện tự chủ	-			-	
1.2	Chi không thường xuyên	-	85.339	85.339	-	
a	Chi mua sắm, sửa chữa	-	1.500	1.500	-	Phụ lục số 04.1
b	Chi nhiệm vụ đặc thù	-	8.000	7.950	-50	Phụ lục số 04.2
c	Chi nhiệm vụ chuyên môn	-	75.839	75.889	50	
c.1	Dự án Chính phủ	-	13.119	13.119	-	
	Địa chất khoáng sản	-	13.119	13.119	-	
c.2	Chi nhiệm vụ cấp Bộ	-	60.320	60.320	-	Phụ lục số 04; 04.3
-	Địa chất khoáng sản	-	60.320	60.320	-	
c3	Định mức KT-KT	-	300	350	50	
c4	Chi nhiệm vụ quy hoạch	-	2.100	2.100	-	
2	Vốn ngoài nước	-	-	-	-	
V	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Tr. đồng	9.454	9.454	-	
1	Chi thường xuyên giao thực hiện tự chủ	-			-	
2	Chi không thường xuyên	-	9.454	9.454	-	
2.1	Dự án Chính phủ	-	-	-	-	
2.2	Chi nhiệm vụ cấp Bộ	-	9.454	9.454	-	Phụ lục 05; 05.1
VI	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	Tr.đồng	14.966	14.253	-713	
	Biên chế được duyệt	Người	126	126	-	
1	Chi thường xuyên giao thực hiện tự chủ	Tr.đồng	10.786	10.203	-583	Phụ lục số 06
1.1	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	-	8.242	7.587	-655	
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	2.394	2.394	-	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
1.3	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	-	150	222	72	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>	-	68	68	-	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	4.180	4.050	-130	
a	Chi mua sắm, sửa chữa	-	-	-	-	
b	Mua sắm thiết bị lẻ	-	153	153	-	
c	Chi nhiệm vụ đặc thù	-	4.027	3.897	-130	
-	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>	-	323	193	-130	
-	<i>Thanh tra, kiểm tra</i>	-	900	1.400	500	
-	<i>Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản</i>	-	1.000	500	-500	
-	<i>Tổ chức Hội nghị ASEAN về khoáng sản năm 2011</i>	-	1.804	1.804		
VII	CHI TRỢ GIÁ					

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2012

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KHO BẠC NN NƠI GIAO DỊCH	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO	DỰ TOÁN TĂNG	DỰ TOÁN GIẢM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ	
A	DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ							
I	Văn phòng Tổng cục							
1	Thu phí, lệ phí	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	10.000			10 000		
1.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản		1.000			1 000		
1.2	Thu phí, lệ phí đồng quyền thăm dò KS		9.000			9 000		
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí							
2.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản							
2.2	Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản							
3	Sổ phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		10.000			10 000		
3.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản		1.000			1 000		
3.2	Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản		9.000			9 000		
II	Trung tâm TT Lưu trữ TLDC							
1	Thu phí	KBNN Đồng Đa - Hà Nội MSKB 0015	100	50	0	150		
	Phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản		100	50		150		
2	Chi từ nguồn thu phí							
	Phí khai thác tài liệu địa chất khoáng sản		0	38		38		
3	Nộp ngân sách nhà nước			100	12	0	112	
	Phí khai thác tài liệu địa chất khoáng sản			100	12		112	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		117.418	2.680	3104	116.994		
B.1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
B.2	DỰ TOÁN CHI NSNN		117.418	2.680	3104	116.994		
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO							
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ							
III	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC (L.370 - K.373)		7 659	599	310	7 948		
1	Văn phòng Tổng cục	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	2 584		260	2 324		
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		2 584		260	2 324		
	Kinh phí thường xuyên							
	Kinh phí không thường xuyên							

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KHO BẠC NN NƠI GIAO DỊCH	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO	DỰ TOÁN TĂNG	DỰ TOÁN GIẢM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
2	Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	1 370	332	0	1 702	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		1 370	332		1 702	
	Kinh phí thường xuyên						
3	Liên đoàn Vật lý địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	2 291			2 291	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		2 291			2 291	
	Kinh phí thường xuyên						
4	Trung tâm TT Lưu trữ TLDC	KBNN Đống Đa - Hà Nội MSKB 0015	614	117		731	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		614	117		731	
	Kinh phí thường xuyên						
5	Trung tâm kiểm định và công nghệ Địa chất	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011		150		150	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN			150		150	
	Kinh phí thường xuyên						
6	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ Địa chất - Khoáng sản	KBNN Trung ương MSKB 0003	250		50	200	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		250		50	200	
	Kinh phí thường xuyên						
7	Bảo tàng Địa chất	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011					
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN						
	Kinh phí thường xuyên						
8	Trung tâm Phân tích thí nghiệm Địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	400			400	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		400			400	
	Kinh phí thường xuyên						
7	Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	150			150	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		150			150	
	Kinh phí thường xuyên						
IV	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (L.430 - K.432)		85.339	416	416	85.339	

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KHO BẠC NN NƠI GIAO DỊCH	DỰ TOÁN DÃ GIAO	DỰ TOÁN TĂNG	DỰ TOÁN GIẢM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
1	Văn phòng Tổng cục	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	2.627	0	61	2.566	
	Kinh phí thường xuyên						
2	Liên đoàn Địa chất Đông Bắc	KBNN tỉnh Thái Nguyên MSKB 2261	2.627	-	61	2.566	
	Kinh phí không thường xuyên						
3	Liên đoàn Địa chất Tây Bắc	KBNN tỉnh Vĩnh Phúc MSKB 1211	6.036	0	95	5.941	
	Kinh phí thường xuyên						
4	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ	KBNN tỉnh Nghệ An MSKB 1411	4.301	0	86	4.215	
	Kinh phí không thường xuyên						
5	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ	KBNN tỉnh Nghệ An MSKB 1411	2.073	-470	0	1.603	
	Kinh phí thường xuyên						
6	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ	KBNN tỉnh Bình Định MSKB 2011	2.073	-470	0	1.603	
	Kinh phí không thường xuyên						
7	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ	KBNN Bình Định MSKB 2011	240	0	1	239	
	Kinh phí thường xuyên						
8	Liên đoàn Địa chất Miền Bắc	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	240	-	1	239	
	Kinh phí không thường xuyên						
9	Liên đoàn Bàn đồ Địa chất Miền Bắc	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	16.778	0	426	16.352	
	Kinh phí thường xuyên						
10	Liên đoàn Bàn đồ Địa chất Miền Nam	KBNN TP. Hồ Chí Minh MSKB 0111	16.778	0	426	16.352	
	Kinh phí không thường xuyên						
11	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiểm	KBNN TP. Hồ Chí Minh MSKB 0111	18.310	0	41	18.269	
	Kinh phí thường xuyên						
12	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiểm	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	18.310	0	41	18.269	
	Kinh phí không thường xuyên						
13	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiểm	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	11.806	0	513	12.319	
	Kinh phí thường xuyên						
14	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiểm	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	11.806	0	513	12.319	
	Kinh phí không thường xuyên						
15	Liên đoàn Intergeo	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	6.825	0	210	6.615	
	Kinh phí thường xuyên						
16	Liên đoàn Intergeo	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	6.825	0	210	6.615	
	Kinh phí không thường xuyên						
17	Liên đoàn Vật lý địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	7.220	0	8	7.212	
	Kinh phí thường xuyên						
18	Liên đoàn Vật lý địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	7.220	0	8	7.212	
	Kinh phí không thường xuyên						
19	Trung tâm Phân tích thí nghiệm Địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	200	810	0	1.010	
	Kinh phí thường xuyên						
20	Trung tâm Phân tích thí nghiệm Địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	200	810	0	1.010	
	Kinh phí không thường xuyên						

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KHO BẠC NN NƠI GIAO DỊCH	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO	DỰ TOÁN TĂNG	DỰ TOÁN GIẢM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
12	Trung tâm Thông tin - Lưu trữ địa chất	KBNN Đống Đa - Hà Nội MSKB 0015	4.613	0	0	4.613	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		4.613	-		4.613	
13	Bảo tàng Địa chất	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	3.200	0	0	3 200	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		3.200			3 200	
14	Trung tâm kiểm định và công nghệ Địa chất	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	650	76	0	726	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		650	76		726	
15	Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ địa chất	KBNN Trung ương MSKB 0003	60	0	0	60	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		60	-		60	
16	Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	400	0	1	399	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		400	-	1	399	
V	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (L.280-K.281)		9 454	736	736	9 454	
1	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ	KBNN tỉnh Nghệ An MSKB 1411	3 154		711	2 443	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		3 154		711	2 443	
2	Liên đoàn Vật lý địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026	3 300		25	3 275	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		3 300		25	3 275	
3	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiếm	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	3 000	273	0	3 273	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên		3 000	273		3 273	
4	Trung tâm kiểm định và công nghệ Địa chất	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011		62	0	62	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên			62		62	
5	Trung tâm Phân tích thí nghiệm Địa chất	KBNN Hà Đông - Hà Nội MSKB: 0026		180	0	180	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên			180		180	

SỐ TT	ĐƠN VỊ	KHO BẠC NN NƠI GIAO DỊCH	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO	DỰ TOÁN TĂNG	DỰ TOÁN GIẢM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
6	Liên đoàn Bán đồ Địa chất Miền Bắc	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011		221		221	
	Kinh phí thường xuyên						
	Kinh phí không thường xuyên			221		221	
VI	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (L.460 - K.463)		14 966	929	1642	14 253	
1	Văn phòng Tổng cục	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	11 381		1642	9 739	
	Kinh phí tự chủ		8 001		697	7 304	
	<i>Trong đó tiết kiệm chi thường xuyên</i>		50			50	
	Kinh phí không tự chủ		3 380		945	2 435	
2	Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	3 079	902	0	3 981	
	Kinh phí tự chủ		2 279	87		2 366	
	<i>Trong đó tiết kiệm chi thường xuyên</i>		11			11	
	Kinh phí không tự chủ	800	815		1 615		
3	Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản	KBNN TP Hà Nội MSKB 0011	506	27		533	
	Kinh phí tự chủ		506	27		533	
	<i>Trong đó tiết kiệm chi thường xuyên</i>		7			7	
	Kinh phí không tự chủ						

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

(Nguồn vốn: Sự nghiệp khoa học)

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ		34.973	23.366	7.659	7.948	289	
I	Đề tài độc lập cấp nhà nước		21.445	20.000	0	0	0	
	Xử lý mẫu công nghệ thu nhận Urani thuộc đề án "Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam"		21.445	20.000			0	
II	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		12.228	3.366	5.189	5.287	98	
II.1	Đề tài chuyển tiếp		7.452	3.366	3.989	4.087	98	
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học để xác định khu vực có mức chiếu xạ tự nhiên có khả năng gây hại cho con người để tiến hành khảo sát, đánh giá chi tiết	2011-2012	1.021	300	721	721	0	
2	Nghiên cứu chế tạo máy đo điện, phóng xạ đường bộ và từ phục vụ điều tra, thăm dò khoáng sản	2011-2012	1.420	400	1.020	1.020	0	
3	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chí khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ	2011-2012	684	600	84	84	0	
4	Nghiên cứu cơ sở khoa học, xác lập tiêu chí và phương pháp xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2011-2012	1.001	600	411	401	-10	
5	Nghiên cứu đánh giá giá trị kinh tế các loại tài nguyên khoáng sản làm cơ sở xác định giá trị khoáng sản trong tổng thu nhập quốc nội (GDP), định hướng chính sách đầu tư trong lĩnh vực địa chất - khoáng sản	2011-2012	839	300	539	539	0	
6	Nghiên cứu xây dựng các mô hình quặng urani mỏ urani cát kết Việt Nam	2011-2012	1.141	300	600	841	241	
7	Chỉnh lý đề xuất bản đồ địa chất khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000 hội nhập chương trình "Một địa chất Quốc tế" (International One Geology)	2010-2011	1.346	866	614	481	-133	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
II.2	Đề tài mới		4.776	0	1.200	1.200	0	
1	TNMT.03.26: Nghiên cứu xây dựng quy trình đánh giá triển vọng khoáng sản kim loại (sắt, chì - kẽm, đồng...) dưới sâu bằng tổ hợp phương pháp địa vật lý hiện đại. Áp dụng thử nghiệm trên 03 cụm dị thường địa vật lý từ và trọng lực	2012-2013	2.255		400	400	0	
2	TNMT.03.25: Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích mẫu phóng xạ trên máy phổ ORTEC-GEM - 30 và máy phân tích tổng hoạt độ Alpha, Beta UMF - 2000	2012-2013	1.267		400	400	0	
3	TNMT.03.27: Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích định lượng các nguyên tố tạo đá trong quặng bauxit, đá vôi bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF)	2012-2013	1.254		400	400	0	
III	Đề tài cấp cơ sở			0	1.170	1.111	-59	
III.1	Đề tài chuyển tiếp		0	0	0	0	0	
III.2	Đề tài mới			0	1.170	1.111	-59	
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho công tác địa vật lý máy bay	2.012	150		150	150	0	
2	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn làm căn cứ để xuất áp dụng mô hình 3D trong lập bản đồ địa chất và khoáng sản tỷ lệ 1:50.000	2.012	0		250	150	-100	
3	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đo nồng độ khí Heli trong công tác tìm kiếm, đánh giá quặng phóng xạ và nghiên cứu địa chất	2012	150		150	100	-50	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu địa vật lý lỗ khoan phóng xạ	2012	220		220	120	-100	
5	Nghiên cứu thay thế tháp khoan 3 chân bằng tháp khoan dạng cột trên máy XY-1	2012	250		250	200	-50	
6	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng cơ chế kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản	2012	150		150	150	0	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học để ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về công tác điều tra, đánh giá, xác định mức độ ảnh hưởng, tác động của khoáng sản độc hại đến môi trường khu vực và người dân địa phương nơi có khoáng sản độc hại	2012	241			241	241	
IV	Hoạt động khoa học công nghệ khác		1.300		1.300	1.550	250	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN)		150		150	150	0	
1.1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số phân tích mẫu địa chất	2012	75		75	75	0	
1.2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp thăm dò từ mặt đất	2012	75		75	75	0	
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia (TCVN)		1.050		1.050	1.050	0	
2.1	Đất, đá, quặng- Quy trình gia công mẫu sử dụng cho các phương pháp phân tích hóa học, hoá lý, roghen, nhiệt.	2012-2013	50		50	50	0	
2.2	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng đồng, chì, kẽm, cadimi, bismuth, bạc, coban, niken, mangan bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	
2.3	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng antimony phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	
2.4	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng asen phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	
2.5	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng molipden phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	
2.6	Đất, đá, quặng. Xác định các nguyên tố asen, antimony, moloipden, bismut, đồng, chì, kẽm, bạc, coban, niken, bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma	2012-2013	50		50	50	0	
2.7	Đất, đá, quặng. Xác định 15 nguyên tố đất hiếm bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma	2012-2013	50		50	50	0	
2.8	Đất, đá, quặng vàng. Xác định hàm lượng vàng, bạc phương pháp nung luyện	2012-2013	50		50	50	0	
2.9	Đất, đá, quặng vàng. Xác định hàm lượng vàng bằng phương pháp chiết MIBK - hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
2.10	Đất, đá, quặng vàng. xác định hàm lượng vàng, platin, paladin bằng phương pháp nung luyện - hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	
2.11	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng silic bằng phương pháp khối lượng	2012-2013	50		50	50	0	
2.12	Đất, đá, quặng silicat. Xác định hàm lượng titan bằng phương pháp trắc quang.	2012-2013	50		50	50	0	
2.13	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng nhôm tổng số bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	
2.14	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng sắt tổng số bằng phương pháp chuẩn độ (complexon hoặc bicromat)	2012-2013	50		50	50	0	
2.15	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng sắt bằng phương pháp trắc quang	2012-2013	50		50	50	0	
2.16	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng canxi bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	
2.17	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng magie bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	
2.18	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng các nguyên tố Na, K, Li, Rb, Cs bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	
2.19	Đá carbonat canxi. Xác định hàm lượng magie bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	
2.20	Đá carbonat canxi. Xác định hàm lượng K, Na bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	
2.21	Đất, đá, quặng. Xác định đồng thời 36 nguyên tố bằng phương pháp ICP-OES	2012-2013	50		50	50	0	
3	Thông tin, hội nghị, hội thảo khoa học		0		0	250	250	
4	Quản lý hoạt động KHCN		100		100	100	0	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

(Phân theo đơn vị sử dụng ngân sách)

(Nguồn vốn: Sự nghiệp khoa học)

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ (I.....XIII)		36.508	23.366	7.659	7.948	289	
I	Liên đoàn Vật lý Địa chất		4.991	700	2.291	2.291	0	
I.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
I.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		4.841	700	2.141	2.141	0	
I.2.1	Đề tài chuyển tiếp		2.441	700	1.741	1.741	0	
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học để xác định khu vực có mức chiếu xạ tự nhiên có khả năng gây hại cho con người để tiến hành khảo sát, đánh giá chi tiết	2011-2012	1.021	300	721	721	0	
2	Nghiên cứu chế tạo máy đo điện, phóng xạ đường bộ và từ phục vụ điều tra, thăm dò khoáng sản	2011-2012	1.420	400	1.020	1.020	0	
I.2.2	Đề tài mở mới		2.400		400	400	0	
1	TNMT.03.26: Nghiên cứu xây dựng quy trình đánh giá triển vọng khoáng sản kim loại (sắt, chì - kẽm, đồng...) dưới sâu bằng tổ hợp phương pháp địa vật lý hiện đại. Áp dụng thử nghiệm trên 03 cụm dị thường địa vật lý từ và trọng lực	2012-2013	2.400		400	400	0	
I.3	Đề tài cấp cơ sở		150	0	150	150	0	
	Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho công tác địa vật lý máy bay	2012	150		150	150	0	
II	Văn phòng Tổng cục		3.824	1.500	2.584	2.324	-260	
II.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
II.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		2.524	1.500	1.034	1.024	-10	
II.2.1	Đề tài chuyển tiếp		2.524	1.500	1.034	1.024	-10	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chí khoáng định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ	2011-2012	684	600	84	84	0	
2	Nghiên cứu cơ sở khoa học, xác lập tiêu chí và phương pháp xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2011-2012	1.001	600	411	401	-10	
3	Nghiên cứu đánh giá giá trị kinh tế các loại tài nguyên khoáng sản làm cơ sở xác định giá trị khoáng sản trong tổng thu nhập quốc nội (GDP), định hướng chính sách đầu tư trong lĩnh vực địa chất - khoáng sản	2011-2012	839	300	539	539	0	
II.2.2	Đề tài mở mới			0	0	0	0	
II.3	Đề tài cấp cơ sở		0		250	0	-250	
II.3.1	Đề tài chuyển tiếp						0	
II.3.2	Đề tài mở mới		0	0	250	0	-250	
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn làm căn cứ đề xuất áp dụng mô hình 3D trong lập bản đồ địa chất và khoáng sản tỷ lệ 1:50.000	2012			250	0	-250	
II.4	Hoạt động KHCN khác		1.300		1.300	1.300	0	
II.4.1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN)		150		150	150	0	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số phân tích mẫu địa chất	2012	75		75	75	0	Xây dựng mới
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp thăm dò từ mặt đất	2012	75		75	75	0	Xây dựng mới
II.4.2	Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia (TCVN)		1 050		1 050	1 050	0	
1	Đất, đá, quặng- Quy trình gia công mẫu sử dụng cho các phương pháp phân tích hóa học, hoá lý, roghen, nhiệt.	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
2	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng đồng, chì, kẽm, cadimi, bismuth, bạc, coban, niken, mangan bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
3	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng antimony phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
4	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng asen phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
5	Đất, đá, quặng. Xác định hàm lượng molipden phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
6	Đất, đá, quặng. Xác định các nguyên tố asen, antimony, moloipden, bismut, đồng, chì, kẽm, bạc, coban, niken. bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
7	Đất, đá, quặng. Xác định 15 nguyên tố đất hiếm bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
8	Đất, đá, quặng vàng. Xác định hàm lượng vàng, bạc phương pháp nung luyện	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
9	Đất, đá, quặng vàng. Xác định hàm lượng vàng bằng phương pháp chiết MIBK - hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
10	Đất, đá, quặng vàng. xác định hàm lượng vàng, platin, paladin bằng phương pháp nung luyện - hấp thụ nguyên tử	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
11	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng silic bằng phương pháp khối lượng	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
12	Đất, đá, quặng silicat. Xác định hàm lượng titan bằng phương pháp trắc quang.	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
13	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng nhôm tổng số bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
14	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng sắt tổng số bằng phương pháp chuẩn độ (complexon hoặc bicromat)	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
15	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng sắt bằng phương pháp trắc quang	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
16	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng canxi bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
17	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng magie bằng phương pháp chuẩn độ complexon	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
18	Đất, đá, quặng chứa silicat. Xác định hàm lượng các nguyên tố Na, K, Li, Rb, Cs bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
19	Đá carbonat canxi. Xác định hàm lượng magie bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
20	Đá carbonat canxi. Xác định hàm lượng K, Na bằng phương pháp quang phổ HTNT	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
21	Đất, đá, quặng. Xác định đồng thời 36 nguyên tố bằng phương pháp ICP-OES	2012-2013	50		50	50	0	Xây dựng mới
II.4.3	Thông tin, hội nghị, hội thảo khoa học						0	
II.4.4	Quản lý hoạt động KHCN		100		100	100	0	
III	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiếm		24.297	20.300	1.370	1.702	332	
III.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước		21.445	20.000	0	0	0	
	Xử lý mẫu công nghệ thu nhận Urani thuộc đề án "Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam"		21.445	20.000			0	
III.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		2.241	300	1.000	1.241	241	
III.2.1	Đề tài chuyển tiếp		1.141	300	600	841	241	
1	Nghiên cứu xây dựng các mô hình quặng urani mỏ urani cát kết Việt Nam	2011-2012	1.141	300	600	841	241	
III.2.2	Đề tài mở mới		1.100		400	400	0	
1	TNMT.03.25: Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích mẫu phóng xạ trên máy phổ ORTEC-GEM - 30 và máy phân tích tổng hoạt độ Alpha, Beta UMF - 2000	2012-2013	1.100		400	400	0	
III.2	Đề tài cấp cơ sở		611	0	370	461	91	
1	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đo nồng độ khí Heli trong công tác tìm kiếm, đánh giá quặng phóng xạ và nghiên cứu địa chất	2012	150		150	100	-50	
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu địa vật lý lỗ khoan phóng xạ	2012	220		220	120	-100	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
3	Nghiên cứu cơ sở khoa học để ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về công tác điều tra, đánh giá, xác định mức độ ảnh hưởng, tác động của khoáng sản độc hại đến môi trường khu vực và người dân địa phương nơi có khoáng sản độc hại	2012	241			241	241	
IV	Trung tâm thông tin Lưu trữ Địa chất		1.346	866	614	731	117	
IV.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
IV.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		1.346	866	614	481	-133	
IV.2.1	Đề tài chuyển tiếp		1.346	866	614	481	-133	
	Chính lý đề xuất bản đồ địa chất khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000 hội nhập chương trình "Một địa chất Quốc tế" (International One Geology)	2010-2011	1.346	866	614	481	-133	
IV.2.2	Đề tài mở mới						0	
IV.3	Các hoạt động khác về KHCN					250	250	
IV.3.1	Thông tin, hội thảo, hội nghị khoa học					250	250	
V	Trung tâm kiểm định và Công nghệ Địa chất		150	0	0	150	150	
V.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
V.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		0	0	0	0	0	
2.1	Đề tài chuyển tiếp						0	
2.2	Đề tài mở mới			0	0	0	0	
V.3	Đề tài cấp cơ sở		150			150	150	
2.1	Đề tài chuyển tiếp						0	
2.2	Đề tài mở mới		150			150	150	
	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn làm căn cứ để xuất áp dụng mô hình 3D trong lập bản đồ địa chất và khoáng sản tỷ lệ 1:50.000	2012	150			150	150	
VI	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ Địa chất - Khoáng sản		250	0	250	200	-50	
VI.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
VI.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ			0	0	0	0	
	Đề tài chuyển tiếp						0	
	Đề tài mở mới						0	
VI.3	Đề tài cấp cơ sở		250		250	200	-50	

Số TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Dự toán (Khái toán)	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	Nghiên cứu thay thế tháp khoan 3 chân bằng tháp khoan dạng cột trên máy XY-1	2012	250		250	200	-50	
VII	Trung tâm Phân tích thí nghiệm địa chất		1.500	0	400	400	0	
VII.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
VII.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		1.500	0	400	400	0	
VII.2.1	Đề tài chuyển tiếp						0	
VII.2.2	Đề tài mở mới		1.500		400	400	0	
	TNMT.03.27: Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích định lượng các nguyên tố tạo đá trong quặng bauxit, đá vôi bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF)	2012-2013	1.500		400	400	0	
VII.3	Đề tài cấp cơ sở						0	
VIII	Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản		150	0	150	150	0	
VIII.1	Đề tài độc lập cấp nhà nước						0	
VIII.2	Đề tài, dự án độc lập cấp Bộ		0	0	0	0	0	
VIII.2.1	Đề tài chuyển tiếp		0	0	0	0	0	
VIII.2.2	Đề tài mở mới				0	0	0	
VIII.3	Đề tài cấp cơ sở		150	0	150	150	0	
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng cơ chế kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản	2012	150		150	150	0	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)		611.916	257.391	75.839	75.889	50	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ		346.674	175.079	13.119	13.119		
1	Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	2009-2013	346.674	175.079	13.119	13.119		
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		259.295	81.601	60.320	60.320		
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp		259.295	81.601	60.020	60.020		
1	Đánh giá tiềm năng quặng chì-kẽm vùng Bản Lìm, Phia Đăm, tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn	2006-2012	12.759	4 723	5 756	5 756		
2	Đánh giá triển vọng quặng đồng vùng Thuận Châu, tỉnh Sơn La	2008-2014	19.872	6 358	4 151	4 151		
3	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Văn Chấn, Yên Bái	2005-2012	20.641	17 676	5 318	3 110	- 2 208	
4	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2006-2013	27.055	5 982	8 300	9 300	1 000	
5	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Bắc Giang	2007-2014	19.188	2 986	3 000	4 208	1 208	
6	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Tân Biên (Tây Ninh)	2005-2012	23.115	12 322	12 522	6 834	- 5 688	
8	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kông Chro, thuộc các tỉnh Gia Lai, Bình Định và Phú Yên	2006-2013	18.433	6 090	5 618	5 565	- 53	
9	Thanh toán khối lượng đã thi công năm 2009 Đề án: Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kon Plông	2007-2014	26.648	2 605		1 700	1 700	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
10	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Đèo Bảo Lộc.	2008-2012	17.906	653		4 041	4 041	
11	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kim Sơn (Nghệ An)	2005-2013	33.605	9 669	4 000	4 000		
12	Điều tra, đánh giá quặng chì - kẽm, barit vùng Bàn Vai - Bàn Ran, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2006-2012	9.547	8 093	1 585	1 585		
13	Hạng mục khoan địa chất của dự án: Trữ tích luận các thành tạo Neogen Tây Nguyên và khoáng sản liên quan	2011-2012	2.409	1 389	1 020	1 020		
14	Bay đo từ phổ gamma tỷ lệ 1/50.000 và đo vẽ trọng lực tỷ lệ 1/100.000 vùng Nam Pleiku	2007-2012	27.486	11 819	6 500	6 500		
15	Đề án tin học hoá các báo cáo trong Kho lưu trữ Địa chất	2008-2011	14.579	2 286	1 200	1 141	- 59	
16	Thành lập bản đồ mức độ điều tra, đánh giá địa chất, khoáng sản	2010-2011	2.813	2 680		59	59	
17	Nghiên cứu, nâng cao chất lượng các bộ sưu tập hiện có ở Bảo tàng Địa chất và sưu tầm bổ sung các bộ sưu tập mẫu vật đặc thù về địa chất-khoáng sản Việt Nam	2008-2012	3.308	1 877	400	400		
18	Kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định, xét duyệt các đề án, báo cáo địa chất	2012	650		650	650		
II	Nhiệm vụ mới		0	0	300	300		
1	Điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên đất hiếm toàn lãnh thổ Việt Nam	2012-2014	0		300	300		
C	ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT		1 007		300	350	50	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp							
II	Nhiệm vụ mới		1 007		300	350	50	
1	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các công trình địa chất cho một số dạng công tác mới phát sinh	2.012	1.007		300	350	50	
D	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH		4 940	711	2 100	2 100		
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp		3 989	711	1 750	1 782	32	
1	Rà soát, đánh giá phục vụ việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đến năm 2015, định hướng đến năm 2020"	2012	698	650		32	32	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
2	Xây dựng chiến lược khoáng sản đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2011	2.618	2.268				
2	Khoanh định diện tích khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ trên phạm vi cả nước (Phần đất liền).		3.291	61	1.750	1.750		
II	Nhiệm vụ mở mới		951		350	318	- 32	
	Xây dựng "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"	2012	951		350	318	- 32	

www.LuatVietnam.vn

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

(Phân theo đơn vị sử dụng ngân sách)

Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)		582.979	260.071	75.839	75.889	50	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ		346.674	175.079	13.119	13.119	0	
1	Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	2009-2013	346.674	175.079	13.119	13.119	0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		230.358	84.281	60.320	60.320	0	
1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		230.358	84.281	60.020	60.020	0	
2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>		0	0	300	300	0	
	CHIA CÁC ĐƠN VỊ						0	
I	Liên đoàn Địa chất Đông Bắc		12.759	4.723	5.756	5.662	-94	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		12.759	4.723	5.756	5.662	-94	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		12.759	4.723	5.756	5.662	-94	
1	Đánh giá tiềm năng quặng chì-kẽm vùng Bàn Lim, Phía Dăm, tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn	2006-2012	12.759	4.723	5.756	5.662	-94	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
II	Liên đoàn Địa chất Tây Bắc		19.872	6.358	4.151	4.065	-86	
1	Nhiệm vụ Chính phủ			0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		19.872	6.358	4.151	4.065	-86	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		19.872	6.358	4.151	4.065	-86	
1	Đánh giá triển vọng quặng đồng vùng Thuận Châu, tỉnh Sơn La	2008-2014	19.872	6.358	4.151	4.065	-86	
2	Điều tra, đánh giá tiềm năng quặng Molipden, đồng vùng Kim Chang Hồ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.	2008-2015	17.802	1.748			0	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
III	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ		0	25.941	1.913	1.443	-470	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	25.941	1.913	1.443	-470	
1.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		0	25.941	1.913	1.443	-470	
1	Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam			25.941	1.913	1.443	-470	
1.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		0	0	0	0	0	
IV	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ						0	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
1.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		0		0	0	0	
1.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		0	0	0	0	0	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>				0	0	0	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
V	Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc		66.884	26.644	16.618	16.192	-426	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		66.884	26.644	16.618	16.192	-426	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		66.884	26.644	16.618	16.192	-426	
1	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Văn Chấn, Yên Bái	2005-2012	20.641	17.676	5.318	3.066	-2.252	
2	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2006-2013	27.055	5.982	8.300	9.120	820	
3	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Bắc Giang	2007-2014	19.188	2.986	3.000	4.006	1.006	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
VI	Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam		58.965	18.412	18.140	18.100	-40	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
1.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		0		0	0	0	
1.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		58.965	18.412	18.140	18.100	-40	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		58.965	18.412	18.140	18.100	-40	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Luỹ kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
1	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Tân Biên (Tây Ninh)	2005-2012	23.115	12 322	12 522	6 794	-5.728	
2	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kông Chro, thuộc các tỉnh Gia Lai, Bình Định và Phú Yên	2006-2013	18.433	6 090	5 618	5 565	-53	
3	Thanh toán khối lượng đã thi công năm 2009 Đề án: Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kon Plông	2007-2014	17.417	2 605		1 700	1.700	Thanh toán khối lượng đã thi công năm 2009
4	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Đèo Bảo Lộc.	2008-2012	17.906	653		4 041	4.041	Thanh toán khối lượng đã thi công năm 2009
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
VII	Liên đoàn Địa chất Xạ- Hiểm			82 448	11 506	12 020	514	
1	Nhiệm vụ Chính phủ giao			82 448	11 206	11 676	470	
1.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>			82 448	11 206	11 676	470	
1	Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	2008-2015		79 250	11 206	11 676	470	
1.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ				300	344	44	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>					44	44	
	Thi công hạng mục Đo karota thuộc Đề án "Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Văn Chấn - Yên Bái"					44	44	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>				300	300	0	
	Điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên đất hiếm toàn lãnh thổ Việt Nam	2012-2014			300	300	0	Kinh phí xây dựng đề án
VIII	Liên đoàn INTERGEO		45.561	19.151	6.605	6.396	-209	
1	Nhiệm vụ Chính phủ giao		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		45.561	19.151	6.605	6.396	-209	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		45.561	19.151	6.605	6.396	-209	
1	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kim Sơn (Nghệ An)	2005-2013	33.605	9 669	4 000	3 956	-44	
2	Điều tra, đánh giá quặng chì - kẽm, barit vùng Bán Vai - Bán Ran, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2006-2012	9.547	8 093	1 585	1 420	-165	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
3	Hạng mục khoan địa chất của dự án: Trầm tích luận các thành tạo Neogen Tây Nguyên và khoáng sản liên quan		2.409	1 389	1 020	1 020	0	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
IX	Liên đoàn Vật lý Địa chất		27 486	11 819	6 500	6 500	0	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		27 486	11 819	6 500	6 500	0	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		27 486	11 819	6 500	6 500	0	
1	Bay đo từ phổ gamma tỷ lệ 1/50.000 và đo vẽ trọng lực tỷ lệ 1/100.000 vùng Nam Pleiku	2007-2012	27.486	11 819	6 500	6 500	0	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
X	Trung tâm Phân tích Thí nghiệm Địa chất		0	0	0	811	811	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ					811	811	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>					811	811	
	Chi phí gia công, phân tích mẫu năm 2012 các đề án địa chất, gồm:					811	811	
	Đánh giá tiềm năng quặng chì-kẽm vùng Bản Lim, Phia Đăm, tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn					94		
	Đánh giá triển vọng quặng đồng vùng Thuận Châu, tỉnh Sơn La					86		
	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Mộc Châu, tỉnh Sơn La					180		
	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Bắc Giang					202		
	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Tân Biên (Tây Ninh)					40		
	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Kim Sơn (Nghệ An)					44		
	Điều tra, đánh giá quặng chì - kẽm, barit vùng Bản Vai - Bản Ran, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng					165		

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	Khối lượng thực hiện năm 2010 Đề án "Điều tra, đánh giá quặng Molipden, đồng vùng Kim Chang Hồ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai"							
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
XI	Trung tâm Thông tin- Lưu trữ Địa chất		17.392	4.966	1.200	1.200	0	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		17.392	4.966	1.200	1.200	0	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		17.392	4.966	1.200	1.200	0	
1	Đề án tin học hoá các báo cáo trong Kho lưu trữ Địa chất	2008-2011	14.579	2 286	1 200	1 141	-59	
2	Thành lập bản đồ mức độ điều tra, đánh giá địa chất, khoáng sản	2010-2011	2.813	2 680		59	59	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
XII	Bảo tàng Địa chất		3.308	1.877	400	400	0	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		3.308	1.877	400	400	0	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		3.308	1.877	400	400	0	
2	Nghiên cứu, nâng cao chất lượng các bộ sưu tập hiện có ở Bảo tàng Địa chất và sưu tầm bổ sung các bộ sưu tập mẫu vật đặc thù về địa chất-khoáng sản Việt Nam	2008-2012	3.308	1 877	400	400	0	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
XIII	Văn phòng Tổng cục		0	0	0	0	0	
XIV	Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất				650	650	0	
1	Nhiệm vụ Chính phủ		0	0	0	0	0	
1.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		0		0	0	0	
1	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu đề án "Thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam" Năm 2012			1 480			0	
1.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
2	Nhiệm vụ cấp bộ		0	0	650	650	0	
2.1	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		0	0	650	650	0	

TT	Nhiệm vụ, Dự án	Thời gian khởi công/ kết thúc	Tổng dự toán duyệt	Lũy kế hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
1	Kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định, xét duyệt các đề án, báo cáo địa chất	2012			650	650	0	
2.2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
XV	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ Địa chất - Khoáng sản						0	
C	ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT		1.007	0	300	350	50	
I	Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản		1.007	0	300	350	50	
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						0	
2	Nhiệm vụ mở mới		1.007	0	300	350	50	
	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các công trình địa chất cho một số dạng công tác mới phát sinh	2012	1.007		300	350	50	
D	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH		4 940	711	2 100	2 100	0	
I	Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất		698	650		59	59	
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp		698	650		59	59	
	Rà soát, đánh giá phục vụ việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đến năm 2015, định hướng đến năm 2020"	2012	698	650		32	32	
	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu, xét duyệt đề án, báo cáo các nhiệm vụ quy hoạch					27		
2	Nhiệm vụ mở mới						0	
II	Văn phòng Tổng cục		4 242	61	2 100	2 041	-59	
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						0	
1	Khoanh định diện tích khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ trên phạm vi cả nước (Phần đất liền).	2011-2012	3.291	61	1.750	1.724	-26	
2	Xây dựng "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"	2012	951		350	317	-33	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ NĂM 2012

Nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Đã giao	Điều chỉnh		
I	Liên đoàn Địa chất Đông Bắc		150	150	149	-1	
1	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	49	-1	
2	Chi huấn luyện dự bị động viên	2012	100	100	100	0	
II	Liên đoàn Địa chất Tây Bắc		150	150	150	0	
1	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	50	0	
2	Chi huấn luyện dự bị động viên	2012	100	100	100	0	
III	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ		50	50	50	0	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	50	0	
IV	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ		50	50	49	-1	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	49	-1	
V	Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam		50	50	49	-1	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	49	-1	
VI	Liên đoàn Địa chất Xạ-Hiếm		50	50	49	-1	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	49	-1	
VII	Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Bắc		50	50	50	0	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	50	0	
VIII	Liên đoàn Intergeo		50	50	49	-1	
	Bảo quản tài liệu, mẫu địa chất tại Liên đoàn	2012	50	50	49	-1	
IX	Liên đoàn Vật lý Địa chất		600	600	592	-8	
	Kiểm định máy địa vật lý, bảo quản kho mẫu phóng xạ	2012	600	600	592	-8	
X	Trung tâm Phân tích Thí nghiệm Địa chất		100	100	99	-1	
	Kiểm tra định kỳ các phòng thí nghiệm	2012	100	100	99	-1	
XI	Trung tâm Thông tin-Lưu trữ Địa chất		3.273	3.273	3.273	0	
1	Công tác lưu trữ, thông tin thường xuyên	2012	3.273	3.273	3.273	0	
	Công tác thông tin	2012	1.100	1.100	1.100	0	
	Công tác thư viện	2012	570	570	570	0	
	Công tác lưu trữ	2012	1.603	1.603	1.603	0	

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
				Đã giao	Điều chỉnh		
XII	Bảo tàng Địa chất		2.800	2.800	2.800	0	
	Công tác Bảo tàng phía Bắc, phía Nam	2012	2.800	2.800	2.800	0	
XIII	Văn phòng Cục		747	527	525	-2	
1	Ứng dụng tin học trong quản lý điều tra địa chất, điều tra khoáng sản và hoạt động khoáng sản	2012	300	300	300	0	
2	Thành lập in báo cáo thường niên địa chất-khoáng sản	2012	120	120	118	-2	
3	Xây dựng đề án thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do sản phẩm, hàng hoá xuất nhập khẩu đối với mặt hàng tài nguyên, khoáng sản.	2010-2011	327	107	107	0	
XIV	Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản		100	100	49	-51	
	Xây dựng Bộ đơn giá các công trình địa chất	2012	100	100	49	-51	
XV	Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất			0	17	17	
	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu, xét duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ của nhiệm vụ đặc thù.				17	17	
	Tổng cộng		8.220	8.000	7.950	-50	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN, XÂY DỰNG NHỎ 2012

Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Danh mục	Nội dung sửa chữa chính	Thành tiền (triệu đồng)		Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
1	Liên đoàn Địa chất Đông Bắc		130	130		
1.1	Xe ô tô, Uaz (20B 0382)	Sửa chữa toàn bộ (máy, gầm, thân vỏ)	20	20		
1.2	Xe ô tô, Uaz (20B 0237)	Sửa chữa phần thân vỏ, sàn gầm	20	20		
1.3	Máy khoan, XY-1A	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	30	30		
1.4	Máy khoan, XY - 2B (02 bộ)	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	60	60		
2	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ		110	110		
2.1	Xe ô tô con, Dewoo Nubira (73B 1006)	Đại tu động cơ, gầm, vỏ, hệ thống điện	20			
2.2	Máy khoan xoay, GK - 180 (03 bộ)	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động, máy bơm, tháp	90	60		
2.3	Xe ô tô Toyota corola (36B 0564)	Đại tu động cơ, gầm, vỏ, hệ thống điện		50		
3	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ		190	190		
3.1	Máy khoan XY 1A	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	30	30		
3.2	Máy khoan HT 150E (03 bộ)	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	90	90		
3.3	Máy khoan GK 180	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	30	30		
3.4	Xe ô tô, Uaz (77B 0488)	Sửa chữa toàn bộ (máy, gầm, thân vỏ)	20	20		
3.5	Xe ô tô, Uaz (82B 0536)	Sửa chữa toàn bộ (máy, gầm, thân vỏ)	20	20		
4	Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Bắc		110	110		
4.1	Máy khoan xoay GK - 180 (02 bộ)	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	60	60		
4.2	Máy khoan xoay GX - 1TD	Sửa chữa máy khoan, động cơ dẫn động	30	30		
4.3	Xe ô tô bán tải Ford (31A 6251)	Sửa chữa phần gầm	20	20		
5	Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam		120	120		
5.1	Xe ô tô, Uaz (92E 0265)	Đại tu máy, gầm, điện	20	20		
5.2	Xe ô tô, Uaz (60C 0312)	Đại tu máy, gầm, điện	20	20		
5.3	Máy địa vật lý (đo phổ, điện, xạ)	Nâng cấp, kiểm định	30	60		
5.4	Máy phân tích quang phổ ICP DV5300	Nâng cấp, kiểm định	50	20		
6	Liên đoàn INTEGEO		170	170		
6.1	Xe ô tô vận tải, Giải Phóng (31A 4476)	Sửa chữa động cơ, ca bin và thùng xe	30	30		
6.2	Xe ô tô bán tải, Ford (31A 5924)	Sửa chữa động cơ, gầm	20	20		

TT	Danh mục	Nội dung sửa chữa chính	Thành tiền (triệu đồng)		Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
6.3	Xe ô tô con, Ford (31A 7170)	Sửa chữa động cơ, gầm, sơn vỏ	20	20		
6.4	Bộ máy khoan, Зиф 650	Đại tu máy khoan, động cơ dẫn động (Diezel)	100	100		
7	Liên đoàn Vật lý Địa chất		120	120		
7.1	Xe ô tô, Mazda (31A 2200)	Sửa chữa toàn bộ	20	20		
7.2	Máy đo từ minimag (02 bộ)	Thay mới các chi tiết, bộ phận hỏng, hiệu chỉnh máy	50	50		
7.3	Máy đo địa chấn Mark - 6	Thay mới các chi tiết, bộ phận hỏng, hiệu chỉnh máy	50	50		
8	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiếm		250	250		
8.1	Máy đo phổ gamma GAD - 6	Sửa chữa, nâng cấp, thay các chi tiết, bộ phận hỏng	50	50		
8.2	Máy đo khí phóng xạ RAD - 7 (06 bộ)	Sửa chữa, thay các chi tiết, bộ phận hỏng, kiểm chuẩn tại hãng	100	100		
8.1	Máy khoan (04 bộ)	Sửa chữa, bảo dưỡng máy khoan, máy bơm, diesel.	100	100		
9	Trung tâm Phân tích Thí nghiệm Địa chất		100	100		
9.1	Máy phân tích quang phổ ICP (02 bộ)	Sửa chữa, nâng cấp phần mềm, thay các chi tiết hỏng	100	100		
10	Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất		140	140		
10.1	Khu vệ sinh Nhà làm việc 5 tầng	Thay thiết bị hỏng, lát nền, ốp lát tường	140	140		
11	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ địa chất - khoáng sản		60	60		
11.1	Máy khoan, GX - 1TD (02 bộ)	Sửa chữa máy khoan, máy bơm, động cơ dẫn động	60	60		
	TỔNG CỘNG:		1.500	1.500		

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

Nguồn: Sự nghiệp Môi trường

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ địa chất	Thời gian thực hiện	Dự toán	Lũy kế đến hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ		70.791	19.109	9.454	9.454	0	
A	Nhiệm vụ Chính phủ giao						0	
B	Nhiệm vụ thường xuyên		70.791	19.109	9.454	9.454	0	
I	Chuyển tiếp và hoàn thành		53.154	19.109	8.654	8.654	0	
1	Đánh giá hiện trạng môi trường tại các vùng khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh	2008-2011	7.009	4.875	1.788	2.134	346	Kết thúc
2	Điều tra, đánh giá ảnh hưởng đến môi trường do các tai biến địa chất vùng dọc Quốc lộ số 7, Sông Cà, tỉnh Nghệ An và vùng dọc Quốc lộ số 8, Sông Ngàn Phố tỉnh Hà Tĩnh	2009-2011	8.136	162	1.366	1.020	-346	
3	Thành lập bản đồ phòng bức xạ tự nhiên Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000	2008-2013	17.769	8.622	2.000	2.000	0	
4	Quan trắc môi trường phóng xạ các mỏ khoáng sản giai đoạn 2009 - 2010.	2009-2011	11.069	2.950	1.500	1.500	0	
5	Khoanh định diện tích chứa khoáng sản độc hại và đánh giá khả năng ảnh hưởng môi trường trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững.	2009-2011	7.207	1.500	1.500	1.500	0	

TT	Tên nhiệm vụ địa chất	Thời gian thực hiện	Dự toán	Lũy kế đến hết năm 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
6	Công tác bảo vệ môi trường thuộc Đề án thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	2010-2013	1.964	1.000	500	500	0	
II	Mở mới		17.637	0	800	800	0	
1	Đánh giá chi tiết các diện tích ô nhiễm phóng xạ tự nhiên vùng Tây Bắc Việt Nam để thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp lập kế hoạch và triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm giảm đến mức thấp nhất tác hại đối với con người.	2012-2015	17.637	0	800	800	0	

www.LuatVietnam.vn

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYÊN MÔN NĂM 2012

(Phần theo đơn vị sử dụng ngân sách)

Nguồn: Sự nghiệp bảo vệ Môi trường

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ địa chất	Thời gian thực hiện	Dự toán	Luỹ kế đến hết 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG SỐ		51.190	19.109	9.454	9.454	0	
I	Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ		15.145	5.037	3.154	2.443	-711	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		15.145	5.037	3.154	2.443	-711	
<i>1</i>	<i>Chuyển tiếp và hoàn thành</i>		15.145	5.037	3.154	2.443	-711	
1	Đánh giá hiện trạng môi trường tại các vùng khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh	2008-2011	7.009	4.875	1.788	1.715	-73	
2	Điều tra, đánh giá ảnh hưởng đến môi trường do các tai biến địa chất vùng dọc Quốc lộ số 7, Sông Cả, tỉnh Nghệ An và vùng dọc Quốc lộ số 8, Sông Ngàn Phố tỉnh Hà Tĩnh	2009-2011	8.136	162	1.366	728	-638	
<i>2</i>	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>				0	0	0	
II	Liên đoàn Vật lý Địa chất		17.769	9.622	3.300	3.275	-25	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		17.769	9.622	3.300	3.275	-25	
<i>1</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>		17.769	9.622	2.500	2.475	-25	
1	Công tác bảo vệ môi trường thuộc Đề án thăm dò quặng urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	2010-2013	1.964	1.000	500	500	0	
2	Thành lập bản đồ phóng bức xạ tự nhiên Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000	2008-2013	17.769	8.622	2.000	1.975	-25	
<i>2</i>	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>				800	800	0	

TT	Tên nhiệm vụ địa chất	Thời gian thực hiện	Dự toán	Luỹ kế đến hết 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	Đánh giá chi tiết các diện tích ô nhiễm phóng xạ tự nhiên vùng Tây Bắc Việt Nam để thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp lập kế hoạch và triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm giảm đến mức thấp nhất tác hại đối với con người.	2012-2015	17.637		800	800	0	
III	Liên đoàn Địa chất Xạ Hiểm		18.276	4.450	3.000	3.273	273	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		18.276	4.450	3.000	3.273	273	
I	<i>Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp</i>		18.276	4.450	3.000	3.273	273	
1	Quan trắc môi trường phóng xạ các mỏ khoáng sản giai đoạn 2009 - 2010.	2009-2011	11.069	2.950	1.500	1.500	0	
2	Khoanh định diện tích chứa khoáng sản độc hại và đánh giá khả năng ảnh hưởng môi trường trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững.	2009-2011	7.207	1.500	1.500	1.500	0	
3	Thi công một số hạng mục thuộc đề án: "Đánh giá hiện trạng môi trường tại các vùng khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh"	2008-2011				273	273	
II	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
IV	Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất		0			62	62	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		0			62	62	
I	<i>Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp</i>		0				62	62
1	Chi phí nghiệm thu, kiểm tra, xét duyệt các đề án môi trường năm 2012						0	
2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						180	180
V	Trung tâm Phân tích thí nghiệm địa chất		0				0	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						180	180
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		0				180	180
I	<i>Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp</i>		0				180	180
1	Chi phí gia công phân tích mẫu các đề án môi trường, gồm: Đánh giá hiện trạng môi trường tại các vùng khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh						127	127

TT	Tên nhiệm vụ địa chất	Thời gian thực hiện	Dự toán	Lũy kế đến hết 2011	Kế hoạch 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Đã giao	Điều chỉnh		
	Điều tra, đánh giá ảnh hưởng đến môi trường do các tai biến địa chất vùng dọc Quốc lộ số 7, Sông Cà, tỉnh Nghệ An và vùng dọc Quốc lộ số 8, Sông Ngàn Phố tỉnh Hà Tĩnh					53	53	
2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>						0	
VI	Liên đoàn Bản đồ miền Bắc		0			221	221	
A	NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ GIAO						0	
B	NHIỆM VỤ CẤP BỘ		0			221	221	
1	<i>Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp</i>		0			221	221	
1	Thí công hạng mục mua tài liệu viễn thám và phân tích ảnh viễn thám thuộc đề án "Điều tra, đánh giá ảnh hưởng đến môi trường do các tai biến địa chất vùng dọc Quốc lộ số 7, Sông Cà, tỉnh Nghệ An và vùng dọc Quốc lộ số 8, Sông Ngàn Phố tỉnh Hà Tĩnh"					221	221	
2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>							

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2012

(Phân theo đơn vị sử dụng ngân sách)

Nguồn: Quản lý hành chính

Đơn vị: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

(Kèm theo Quyết định số: 1286/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
	TỔNG CỘNG (I-III)		14.966	14.253	-713	
I	Văn phòng Tổng cục		11.381	9.739	-1.642	
	Biên chế được duyệt	Người	93	89	-4	
1	Chi thường xuyên giao thực hiện tự chủ	Tr.đồng	8.001	7.304	-697	
1.1	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	-	6.084	5.347	-737	
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	1.767	1.767	0	
1.3	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	-	150	190	40	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>	-	50	50	0	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	3.380	2.435	-945	
a	Sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ	-			0	
b	Mua sắm thiết bị lẻ	-	153	153	0	
c	Chi nhiệm vụ đặc thù	-	3.227	2.282	-945	
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	-	323	178	-145	
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản		18	18	0	
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với người làm nghề địa chất		25	0	-25	Rút khỏi Chương trình
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi các ngành, nghề đối với viên chức điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản độc hại		25	0	-25	Rút khỏi Chương trình
4	Thông tư quy định chi tiết điều kiện hành nghề của tổ chức thăm dò khoáng sản		15	0	-15	Đã bỏ trị 28 tr.đ năm 2011
5	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (sửa đổi)		15	0	-15	Đã bỏ trị 28 tr.đ năm 2011 (đổi tên Thông tư)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
6	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản		15	0	-15	Đã bỏ trí 20 triệu năm 2011 (chuyển thành Thông tư liên tịch)
7	Thông tư liên tịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản					Đã bỏ trí 20 triệu năm 2011 (chuyển thành Thông tư liên tịch)
8	Thông tư quy định chi tiết nội dung điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản		15	0	-15	Giống số thứ tự 9 (sửa tên)
9	Thông tư quy định chi tiết thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản		15	0	-15	Đã bỏ trí 20 tr.đ năm 2011
10	Thông tư quy định thu thập, giao nộp, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin về khoáng sản		15	15	0	
11	Thông tư quy định nội dung, thủ tục phê duyệt, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
12	Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000		15	15	0	
13	Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số phân tích mẫu địa chất		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
14	Thông tư quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê, chế độ báo cáo trong khai thác khoáng sản		15	0	-15	Đổi tên và chuyển về Cục KSHDKS
15	Thông tư quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định đề án thăm dò		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
16	Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp thăm dò từ mặt đất		15	15	0	
17	Thông tư ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
18	Thông tư quy định chi tiết nội dung thẩm định đề án thăm dò khoáng sản		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
19	Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết việc xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		15	0	-15	Sửa tên

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
20	Thông tư liên tịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính về phương pháp tính, phương thức thu chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		0	15	15	Sửa tên
21	Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định chi phí đã đầu tư phải hoàn trả và phương thức, thủ tục hoàn trả; quy định việc thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
22	Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm được khấu trừ trên tổng giá trị bằng tiền cấp quyền khai thác phải nộp đối với tổ chức, cá nhân trả một lần khi nhận Giấy phép		15	0	-15	Rút khỏi Chương trình
23	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp thăm dò điện			25	25	Bổ sung
24	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp thăm dò phóng xạ			25	25	Bổ sung
25	Thông tư quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản			25	25	Bổ sung
26	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sử dụng mẫu chuẩn trong phân tích mẫu địa chất, khoáng sản rắn			25	25	Bổ sung
-	Thanh tra, kiểm tra	-	500		-500	
-	Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản	-	600	300	-300	
-	Kinh phí Đoàn ra	-			0	
-	Tổ chức Hội nghị ASEAN về khoáng sản năm 2011		1.804	1.804	0	
II	Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản		3.079	3.981	902	
	Biên chế được duyệt	Người	27	29	2	
I	Kinh phí thực hiện tự chủ	Tr.đồng	2.279	2.366	87	
1.1	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	-	1.766	1.821	55	
1.2	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP			32	32	
1.3	Chi thường xuyên theo định mức	-	513	513	0	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012		Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh		
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>	-	11	11	0	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	800	1.615	815	
<i>a</i>	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</i>	-			0	
<i>b</i>	<i>Mua sắm thiết bị lẻ</i>	-			0	
<i>c</i>	<i>Chi nhiệm vụ đặc thù</i>	-	800	1.615	815	
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	-	0	15	15 ⁰	
	Thông tư quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản, kiểm kê trữ lượng khoáng sản	-	0	15	15	
-	Thanh tra, kiểm tra	-	400	1.400	1.000	
-	Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.	-	400	200	-200	
III	Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản		506	533	27	
	Biên chế được duyệt	Người	6	8	2	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	Tr.đồng	506	533	27	
1.1	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	-	392	419	27	
1.2	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	-				
1.3	Chi thường xuyên theo định mức	-	114	114	0	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>	-	7	7	0	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	0	0	0	
<i>a</i>	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</i>	-			0	
<i>b</i>	<i>Mua sắm thiết bị lẻ</i>	-			0	
<i>c</i>	<i>Chi nhiệm vụ đặc thù</i>	-	0	0	0	